



HỌC ANH NGỮ TRÊN ĐÀI VOA

Đi nghe bài học, xin [BỘ M VÀO ĐÁY](#)

Đây là Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English bài 196. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả. Mời đưa bài học, ta nghe mẫu điện đàm giữa Martin và cô bạn cũ là Karen. I met her in San Francisco more than thirty years ago.=tôi gặp cô ấy ở San Francisco cách đây hơn ba mươi năm. Hang up the phone=gác máy điện thoại. Pick up the phone=nhấc máy điện thoại. On the phone=đang nói điện thoại. Off the phone=đã nói xong điện thoại. Martin is on the phone with Karen, an old friend.=Martin đang nói điện thoại với bạn cũ tên là Karen. When Martin was off the phone, Laura (his wife) asked him who Karen was.=khi anh Martin nói điện thoại xong, vợ anh là Laura hỏi anh Karen là ai vậy. Sau khi nghe xong, quý vị nghe rồi tiếp.

Cut 1

Daily Dialogue: An Old Girlfriend (Part 1)

Larry: Daily Dialogue: An Old Girlfriend (Part 1)

A man and woman are in the kitchen of their home.

The man is on the phone with an old friend.

Larry: Listen to the conversation.

Martin: OK, Karen. I'll see you on Sunday. Bye.

SFX: Hangs up the phone

Laura: Who's Karen?

(short pause)

Martin: Oh, she's an old friend.

(short pause)

Laura: An old friend?

(short pause)

Martin: Yes, I met her in San Francisco... more than thirty years ago.

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Martin: OK, Karen. I'll see you on Sunday. Bye.

SFX: Hangs up the phone

Laura: Who's Karen?

(pause for repeat)

Martin: Oh, she's an old friend.

(pause for repeat)

Laura: An old friend?

(pause for repeat)

Martin: Yes, I met her in San Francisco... more than thirty years ago.

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Ti p theo đây là ph n Câu đ trong Tu n Question of the Week. Quý v nghe ti ng ng i làm m t đ ng tác gây ti ng đ ng, r i khi nghe câu h i What's he doing? quý v nói ng i y đang làm gì, b ng ti ng Anh. To hurt oneself/hurt/hurt =làm mình b th ng, làm đau. Don't hurt yourself lifting that box.= đ ng làm mình b th ng khi b ng cái thùng y lên. Was anyone hurt in the accident? Có ai b th ng trong tai n n xe h i không? My legs still hurt when I try to walk.=chân tôi còn đau khi tôi c b c đi. I hurt my ankle playing soccer.=tôi b th ng m t cá chân khi ch i bóng đá. To run down the stairs.=ch y t c u thang xu ng. To fall/fell/fallen.=té, ngã, gi m xu ng. He fell and broke his leg.=anh ta té g y chân. Gas prices showed no sign of falling.=giá xăng không th y gi m đi.

Cut 2

Question of the Week (answer): What's he doing?

Larry: Question of the Week!

UPBEAT MUSIC

Max: It's time to answer the Question of the Week.

We're going to listen to a man doing something.

And, Kathy, you're going to tell me what you hear.

Kathy: Okay.

Here's question number one: What's the man doing?

SFX: Sound of someone using a computer.

Kathy: He's... using a computer!

Max: Yes, he is! He's using a computer.

Okay, Question Number Two: What's he doing now?

SFX: Sound of someone running down stairs

Kathy: Oh, no... He's falling down the stairs!!

He's going to hurt himself!

Max: No, no, Kathy. He's fine.

He's running down the stairs.

Kathy: Oh, I'm glad to hear that.

Max: Well, Kathy. Thanks for playing.

Kathy: It was fun.

MUSIC

Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: Where did you grow up?

(ding)

(pause for answer)

Max: OK!

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phn n tti nhan đ Bad weather, thti ttt xu, quí v nghe ch : rain hard.=m a ln.
Weather report.=bn n tng trnh v thti ttt. To light/lit/lit (đôi khi quá kh và quá kh phân t c a to light còn vi t là lighted)=thp. To light a candle.=thp n n. A well-lit room=phòng có đèn thp sáng rõ. A star-lit night=đêm có sao sáng. Lights (n.)=bóng đèn. Our lights went out about four in the afternoon.= đèn b ttt kho ng 4 gi chi u. Traffic lights=đèn giao thông. Did you lose power last night when it rained hard? Bn có b m t đin đêm qua khi m a ln không? We had to light candles in order to fix dinner.=chúng tôi phiti thp n n đ làm c m tti. To fix dinner=to prepare, to make dinner. Electricity=đin. We got our electricity (power) back about eight.=chúng tôi lti có đin kho ng 8 gi tti. A power outage.=thti gian m t đin. Thank goodness, I'm ready for some sunshine.=Cám n trti, bây gi có nng thì thích lm. Đ ý đn cách bi n đti tti danh tti sang tti nh : Sun=m t trti; sunny=nng; Storm=c n bão; stormy=có bão; wind=gió; windy=có gió. [Nhn xét: thêm y vào cu i danh tti nhng n u danh tti tti n cùng bti m tti ph âm (consonant), nh ch sun, mà trtt c đó có m tti nguyên âm (vowel) thì g p đôi ph âm tti n cùng đó trtt c khi thêm y: sun=>sun+n+y=>sunny.]

Cut 3

Story Interlude: Bad Weather

Larry: OK... and we're off the air.

Max: I wonder if it's still raining outside.

Kathy: I think so. It was raining pretty hard this morning.

And the weather report said it would rain all day.

Max: Well, we certainly got a lot of rain this weekend.

Kathy: Yes, what a storm!

It was so windy. Did you lose power? Did your lights go out?

Max: Yes. Our lights went out about four in the afternoon.

We had to light candles in order to fix dinner!

But we got our electricity back about eight.

They say the rain will stop later tonight.

Kathy: Thank goodness! I'm ready for some sunshine.

SFX: Elizabeth entering

Eliz: Hi, Max, Kathy.

Max: Hi, Elizabeth.

Larry: OK. Quiet, please. Ready for Functioning in Business....

Vietnamese Explanation

Ph␣ n t␣ i, Functioning in Business, là m␣ t Ch␣ ␣ ng trìnḥ Anh Ng␣ Th␣ ␣ ng m␣ i Trung c␣ p v␣ t␣ p t␣ c và văn hoá M␣ . Trong ph␣ n này, ta nghe đ␣ n “A New Beginning, Part 1,” M␣ t b␣ t đ␣ u m␣ i, Ph␣ n 1. Ta nghe m␣ u đ␣m tho␣ i gi␣ a ông Blake thu␣ c hãḥ International Robotics và Chapman thu␣ c hãḥ Federal Motors. Trong m␣ u đ␣m tho␣ i này, ta nghe hai ông sau khi đã th␣ o lu␣ n v␣ vi␣ c mua ng␣ i máy rô-bô, đi ch␣ i bóng golf và sau đó đi ăn t␣ i ␣ nhà hàng. Business discussion=th␣ o lu␣ n th␣ ␣ ng m␣ i. Over=xong. The business discussions were over=cu␣ c bàn lu␣ n th␣ ␣ ng m␣ i đã xong. Đ␣ ý đ␣ n cách l␣ p hai danh t␣ thành m␣ t danh t␣ kép (danh t␣ th␣ nh␣ t b␣ nghĩa cho danh t␣ th␣ hai): A dinner conversation.=cu␣ c nói chuy␣ n trong b␣ a ăn t␣ i. T␣ ␣ ng t␣ : a business discussion.= cu␣ c th␣ o lu␣ n v␣ công vi␣ c th␣ ␣ ng m␣ i. An afternoon walk in the park.=cu␣ c đi b␣ vào bu␣ i chi␣ u trong công viên. A bit tired=h␣ i m␣ t. This program focuses on proposing a toast.=ch␣ ␣ ng trìnḥ chú tr␣ ng vào cách nói khi nâng ly chúc m␣ ng. As I remember...=tôi nh␣ i là...

Cut 4

Opening

MUSIC

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "A New Beginning, Part 1."

This program focuses on Proposing a Toast.

MUSIC

Interview: Chapman

Larry: Interview

Eliz: Today, we are talking again to Mr. Stewart Chapman of Federal Motors.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Mr. Chapman.

Chap: Nice to talk to you again.

Eliz: Today, we're listening to your dinner conversation with Mr. Blake and Mr. Gomez.

It was after most of the business discussions were over.

Chap: Oh, yes. We played golf in the afternoon, and then we met for dinner.

As I remember, Mr. Blake and I were both a bit tired.

So we didn't play very well.

Eliz: Now let's listen to your conversation at dinner.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần tiếp, ta nghe chuyện ba người, ông Blake thuộc hãng International Robotics, ông Gomez và ông Chapman thuộc hãng Federal Motors, ăn tiếp ở một nhà hàng ở New York. To propose a toast=Nâng chén chúc nhau. To a long and prosperous relationship=xin chúc sao cho có một liên hệ dài lâu và phát triển. I'll drink to that! Tôi cũng xin uống mừng nhé vậy. Add a toast of my own.=thêm tôi chúc cá nhân riêng tôi. Cheers=tôi chúc mừng khi nâng ly. To our next game of golf=chúc mừng trận chọi bóng golf sắp tới. [Họ đang ăn tiếp ở một nhà hàng ở New York.] We weren't too bad.=chúng tôi chơi không dở lắm.

Cut 5

Dialog: FIB Dialog, Blake, Gomez and Chapman at Dinner

Larry: Dialog

Larry: This scene takes place at a New York restaurant.

Mr. Blake and Mr. Chapman propose toasts.

I'd like to propose a toast! Tôi xin nâng ly chúc mừng

To a long and prosperous relationship. Chúc cho liên hệ thịnh vượng giữa hai hãng được dài lâu và thịnh vượng.

Chap: Would you like some more wine, Charles?

Blake: Please.

Chap: How about you, Dave?

Gomez: No, thank you.

Blake: I'd like to propose a toast!

To a long and prosperous relationship between Federal Motors and International Robotics.

Chap: I'll drink to that and add a toast of my own!

To our next game of golf!

Blake and Gomez: Cheers.

Blake: We didn't play very well today, did we?

Chap: Oh, we weren't too bad.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Bây gi␣, ta hã y nói nh␣ ng câu này b␣ ng ti␣ ng Anh. Tôi sinh ␣ Hà N␣ i, nh␣ ng tôi l␣ n lên ␣ Saigon.=> I was born in Hanoi, but I grew up in Saigon. Tôi ph␣ i làm c␣ m tr␣ c khi các con tôi đi h␣ c v␣ .=>I had to fix dinner before my children came back from school. Tôi mu␣ n nâng ly đ␣ có vài l␣ i chúc m␣ ng.=>I would like to propose (make, offer) a toast. Chúc b␣ n đ␣ c s␣ c kh␣ e, h␣ nh phúc và đ␣ t thêm nhi␣ u thành công. =>To your health, happiness and continued success! Hôm qua m␣ t đi␣ n nên chúng tôi ph␣ i th␣ p n␣ n đ␣ ă n c␣ m t␣ i.=>We lost power yesterday evening, so we had to light candles in order to have dinner.

Quý v␣ v␣ a h␣ c xong bài 196 trong Ch␣ ng Trình Anh Ng␣ Sinh Đ␣ ng. Ph␣ m Văn xin kính chào quý v␣ thính gi␣ và xin h␣ n g␣ p l␣ i trong bài h␣ c k␣ ti␣ p.